

Số: 13/2021/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền
sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 217/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-BKTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 6, Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

b) Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

c) Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xe ô tô, các tài sản còn lại không phải là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xe ô tô (sau đây gọi chung là tài sản khác) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 vụ

việc, trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 vụ việc do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 vụ việc.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 vụ việc thuộc thẩm quyền tịch thu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình quyết định tịch thu.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác thuộc thẩm quyền quyết định tịch thu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 vụ việc.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 vụ việc do Cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cấp quân khu, Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chuyên giao (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 vụ việc do Cơ quan thi hành án, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện chuyên giao (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia).

3. Đối với tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với: Tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, di sản không có người nhận thừa kế là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 vụ việc (trừ tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia); tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

4. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu quy định tại điểm c, d khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này, Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2021. / *Kieu*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh